| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **153**/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/5/2023.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội Phụ nữ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

2. Ông Trần Công Danh - Cán bộ hưu trí.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Huy Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 3380/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1981;

*2. Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: E938, tổ 13, khu phố 5A, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông D có đơn xin vắng mặt, bà H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/4/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh B vào ngày 16/4/2019. Trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, đã nhiều lần ông và bà H ngồi lại nói chuyện, tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không đạt được nên ông làm đơn xin được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông D xác định không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do bận công việc nên ông đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

***Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được tống đạt giấy triệu tập và các văn bản theo trình tự tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như xét xử nên không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.***

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D đối với bà H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Tố tụng:**

- *Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:*

Ông Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị H. Căn cứ vào

Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định ông D là nguyên đơn, bà H là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn".

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Qua xác minh tại địa phương, bà Nguyễn Thị H có đăng ký thường trú và sinh sống tại phường L, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của ông D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về thủ tục tố tụng khác*: Ông Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, còn bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**[2] Về nội dung tranh chấp:**

Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31/2019, ngày 16/4/2019. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của ông D và bà H là hợp pháp.

Ông D khai sau quá trình chung sống ban đầu thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Đến nay tình cảm không còn, không còn quan tâm đến nhau.

Xét thấy: Tại biên bản xác minh ngày 27 tháng 3 năm 2023, Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đ xác định không có biết mâu thuẫn của ông D và bà H vì các đương sự không trình báo, không yêu cầu hòa giải. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định cho bà H nhưng bà H không đến làm việc, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa xét xử. Điều này chứng tỏ bà H đã không còn thiết tha, không còn quan tâm và mặc kệ quan hệ hôn nhân với ông D. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông D và bà H là có thật, trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, ông D được ly hôn bà H là phù hợp.

Về con chung: Ông D xác định không có con chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông D xác định không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông D xác định không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Bà H không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến nên không đủ cơ sở xác định đối với phần tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, đối với phần tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ việc khác khi các đương sự có yêu cầu giải quyết theo quy định.

**[3]** Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

**[4]** Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D đối với bà Nguyễn Thị H.

Cho ông Nguyễn Văn D được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Đồng thời, bà H vắng mặt không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005366 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ông D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận***:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.Biên Hòa;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Hòa**